

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
TÀI CHÍNH****THÔNG TƯ Liên bộ số 19-TT/LB
ngày 21-9-1992 hướng dẫn
thực hiện việc sửa đổi, bổ
sung một số chế độ với các
đối tượng hưởng chính sách
xã hội.**

Thi hành Điều 1, Điều 2 Quyết định 303-HĐBT ngày 20-8-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc trợ cấp đối với công nhân viên chức hành chính - sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội; Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Thân nhân liệt sĩ, người có công giúp đỡ cách mạng già yếu cô đơn và gia đình không có điều kiện nuôi dưỡng, con liệt sĩ mồ côi cả cha lẫn mẹ, hàng tháng được hưởng sinh hoạt phí nuôi dưỡng tương đương giá trị 45 kg gạo tính theo giá thị trường địa phương.

2. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang công tác trong các doanh nghiệp, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang hoặc nghỉ hưu, hàng tháng đang hưởng trợ cấp bằng 30% mức trợ cấp thương tật khi về gia đình (của thương binh có cùng hạng thương tật, cùng mức lương hoặc sinh hoạt phí) nay được hưởng đủ 100% mức cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Trường hợp thương binh nay mới được xác nhận và xếp hạng thương tật thì khoản trợ cấp trợ cấp thương tật hàng tháng (nếu có) từ 30-8-1992 trở về trước áp dụng các mức đã qui định cho từng thời kỳ; từ 1-9-1992 tính theo qui định của Quyết định 303-HĐBT và phụ lục trong hướng dẫn này.

3. Thương binh hạng 1, bệnh binh hạng 1 có tình trạng thương tật, bệnh lý đặc biệt sau đây, hàng tháng được trợ cấp thêm một khoản tương đương trị giá 20 kg gạo theo giá thị trường địa phương nhằm giúp đỡ giảm bớt một phần khó khăn trong cuộc sống:

- Cụt 2 chi trở lên gồm: cụt 2 tay, cụt 2 chân, cụt 1 tay và 1 chân (cùng bên hoặc khác bên).

- Mù tuyệt đối 2 mắt, (2 mắt thị lực bằng 0).

- Vết thương tủy sống và vết thương sọ não di chứng liệt hoàn toàn 2 chi trở lên, không đi lại được, phải thường xuyên dùng xe lăn, xe lắc để di chuyển.

- Tâm thần nặng không tự chủ trong đời sống sinh hoạt (mất trí, cần phải quản lý thường xuyên).

Các Sở lao động - thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy định tại Thông tư này và tình trạng thương tật bệnh lý của thương binh, bệnh binh lập danh sách (theo mẫu đính kèm) gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Vụ Thương binh - liệt sĩ) và Bộ Tài chính (Vụ Hành chính văn xã) để làm căn cứ kiểm tra và cấp phát kinh phí trợ cấp.

4. Giá gạo dùng làm căn cứ tính mức sinh hoạt phí nói ở điểm 1 và phụ cấp nói ở điểm 3 trên thống nhất với giá gạo để tính khoản phụ

cấp ăn thêm của thương binh hạng 1, bệnh binh hạng 1, trợ cấp tiên tuất hàng tháng của thân nhân liệt sĩ và do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ vào giá bán lẻ loại gạo tẻ thường, thông dụng ở thị trường địa phương tại thời điểm chi trả xác định một giá chung tính giá trị bằng tiền của sinh hoạt phí và phụ cấp.

5. Thông tư này thực hiện từ 1-9-1992.

Mọi quy định của địa phương nếu trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị địa phương phản ánh kịp thời về Liên Bộ để giải quyết.

Bộ trưởng
Bộ Tài chính

HỒ TẾ

Bộ trưởng
Bộ Lao động Thương
binh và xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN

UBND TỈNH.....
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày... tháng.... năm 199....

Kính gửi:

Danh sách thương binh - bệnh binh hạng 1 đặc biệt (theo quyết định số 303-HĐBT ngày 20-8-1992 của Hội đồng Bộ trưởng)

số thứ tự	Họ và tên thương, bệnh binh hạng 1 ĐB	Nguyên quán(hoặc trú quán)- Nơi lính trực cấp	Tỷ lệ thương bệnh tật	tình trạng thương tật, bệnh lý
1	2	3	4	5

Ngày..... tháng..... năm 199...

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH.....

Giám đốc

Ghi chú: Cột (4), (5) ghi theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa tại biên bản giám định.
(Trường hợp thương tật, bệnh tật đã phục hồi thì ghi rõ).

1	2	3	4	5	6	7
2	b. Thương binh loại b và bệnh binh:					
	+ Thương binh hạng 1/4 và bệnh binh 1/3	20.454	41.837	5.113	46.950	
	+ Thương binh hạng 2/4 và bệnh binh 2/3	14.062	30.013	3.515	33.528	
	+ Thương binh hạng 3/4 và bệnh binh 3/3	8.949	20.553	2.237	22.790	
	+ Thương binh hạng 4/4	3.853	11.095	959	12.054	
3	Sinh hoạt phí nuôi dưỡng hàng tháng:					
	- Thân nhân liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng cô đơn ...	22.500(CĐ 11CĐ)	45.625		45 kg gạo (QĐ 303 - HĐBT)	
4	Trợ cấp tuất liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng:				10 kg gạo (văn bản 3006-PPLT ngày 13-9-1991 của HĐBT)	
5	Trợ cấp tuất đối với thân nhân liệt sĩ tử sĩ là người Chăm-pu-chia:					
	- Con liệt sĩ	7.505	17.875	1.875	19.750	
	- Con tử sĩ	6.800	16.570	1.700	18.270	
	- Vợ liệt sĩ, tử sĩ	6.000	15.100	1.500	16.600	
	- Vợ liệt sĩ, tử sĩ đã tái giá hoặc người nuôi con liệt sĩ, tử sĩ	5.300	13.805	1.325	15.130	